

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2022/KDTM-ST

Ngày: 10/8/2022

"T/c Hợp đồng xây dựng "

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ, TỈNH QUẢNG TRỊ

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hồ Thị Xuân Hương.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

+ Ông Nguyễn Minh Đức;

+ Bà Võ Thị Trúc Mai

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Trí Diện - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đông Hà tham gia phiên tòa:*** Bà Lê Thùy Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 10/8/2022, tại Hội trường Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh, thương mại thụ lý số 17/2021/TLST-KDTM ngày 24 tháng 12 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2022/QĐXXST- KDTM ngày 27 tháng 6 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 04 ngày 14/7/2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Công ty trách nhiệm hữu hạn T; địa chỉ trụ sở: Số 10 H, khu phố M, Phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Văn Đ - Giám đốc, có mặt.

Người đại diện ủy quyền: Bà Trần Thị L, Luật sư – Công ty Luật V; địa chỉ: 146/01 T, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị (*Văn bản ủy quyền lập ngày 18/11/2021*), có mặt.

2. *Bị đơn:* Tổng Công ty B - Q; địa chỉ trụ sở chính: Số 63 đường L, phường T, quận C, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Minh K - Tổng Giám đốc, vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Xí nghiệp B.C - Chi nhánh Tổng Công ty B - Q; địa chỉ: Số 145/154 đường Ng, phường N, quận L, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn Hồng, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 23 tháng 11 năm 2021, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn Công ty TNHH T (trước đây là Công ty TNHH MTV T) do người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Công ty trách nhiệm hữu hạn T (Sau đây viết tắt là: Công ty T) và Xí nghiệp B.C – Chi nhánh Tổng Công ty B - Q (Sau đây viết tắt là: Xí nghiệp B.C) ký kết Hợp đồng kinh tế số 09/2019/HĐ-GK ngày 23/10/2019 về việc sản xuất và lắp dựng cửa nhôm Xingfa Việt Nam tại công trình Nhà điều hành sản xuất Công ty Điện lực Quảng Trị, địa chỉ: 126 Trần Hưng Đạo, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị có tổng giá trị hợp đồng là 1.625.691.000 đồng, đã bao gồm 10% VAT, chi phí vận chuyển và lắp đặt hoàn chỉnh tại công trường. Ngày 30/9/2020, hai bên đã ký xác nhận Bảng tổng hợp giá trị khối lượng cửa nhôm kính công ty T đã cung cấp và thi công lắp đặt với tổng giá trị khối lượng sau thuế là **1.625.691.000** đồng; số tiền bên thi công đã nhận là 1.427.000.000 đồng; số tiền còn lại bên giao khoán phải thanh toán sau khi hoàn thành 198.691.000 đồng, trong đó: tiền giữ lại bảo hành 68.852.450 đồng, số tiền bên giao khoán còn phải thanh toán sau khi nghiệm thu, bàn giao là 129.838.550 đồng. Ngày 23/6/2021 Công trình Nhà điều hành sản xuất Công ty Điện lực Quảng Trị đã được lập Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng. Nhưng đến nay, phía Tổng Công ty B - Q vẫn chưa thanh toán số tiền nợ còn lại cho Công ty T.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên ngày 06/4/2021, mã số doanh nghiệp 3200603089 Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T đăng ký thay đổi lần 2 thành Công ty trách nhiệm hữu hạn T.

Công ty T khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc: Tổng Công ty B - Q phải thanh toán cho Công ty TNHH T số tiền: 216.575.000 đồng (*bằng chữ: Hai trăm mười sáu triệu năm trăm bảy mươi lăm nghìn đồng chẵn*), bao gồm nợ gốc 198.691.000 đồng, nợ lãi chậm trả tạm tính từ ngày 18/11/2020 đến ngày 18/11/2021 là 17.884.000 đồng. Tổng Công ty B - Q tiếp tục phải chịu lãi chậm thanh toán đến khi thanh toán hết công nợ với lãi suất 9%/năm.

Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu: Buộc Tổng Công ty B - Q phải thanh toán cho Công ty T số tiền: **211.350.259** đồng (*bằng chữ: Hai trăm mười một triệu ba trăm năm mươi lăm nghìn hai trăm năm mươi chín đồng chẵn*), bao gồm nợ gốc 198.691.000 đồng, nợ lãi chậm trả tạm tính từ ngày 23/6/2021 đến ngày 23/7/2022 đối với số tiền 129.838.500 đồng với mức lãi suất 9%/năm là 12.659.259 đồng. Tổng công ty 319 tiếp tục phải chịu lãi chậm thanh toán đến khi thanh toán hết công nợ với lãi suất 9%/năm. Rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với khoản tiền lãi.

Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 16/3/2022, tại phiên hòa giải ngày 24/3/2022, bị đơn là Tổng Công ty B - Q do ông Dương Thế D - người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Theo thỏa thuận tại hợp đồng: Số 09/HĐ-GKKT ngày 23/10/2019, giữa Công ty T với Xí nghiệp B.C - Chi nhánh Tổng Công ty B - Q (*thời điểm đó do ông D làm giám đốc*) đã ký kết. về việc sản xuất và lắp dựng cửa nhôm Xingfa Việt Nam tại công trình Nhà điều hành sản xuất Công ty Điện lực Quảng Trị, địa chỉ: 126 Trần Hưng Đạo, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị có tổng giá trị hợp đồng là 1.625.691.000 đồng. Các tài liệu giữa 02 công ty xác định giá trị công nợ khi thi công xong công trình mà nhà thầu chính (Xí nghiệp B.C) đã thanh toán 1.492.000.000 đồng; còn phải thanh toán cho nhà thầu phụ (Công ty T) là: 111.082.969 đồng. Nhưng số tiền bảo hành công trình 10% là 160.308.296 đồng, thời hạn bảo hành là 01 năm. Như vậy, nếu giữ lại tiền bảo hành thì Xí nghiệp B.C chưa phải thanh toán cho bên Công ty T. Tuy nhiên, hiện nay, do chủ đầu tư (Công ty điện lực Quảng Trị) vẫn chưa thanh toán số tiền thi công còn lại khoảng 1.500.000.000 đồng. Khi Xí nghiệp B.C thu hồi được số tiền còn lại của Chủ đầu tư thì sẽ thanh toán hết cho Công ty T.

Phía bị đơn đề nghị Tòa án tạo điều kiện để 02 công ty thỏa thuận về lộ trình thanh toán nợ, nhưng đến nay không có kết quả.

Xí nghiệp B.C - Chi nhánh Tổng Công ty B - Q không trình bày quan điểm về giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đông Hà phát biểu:

Về thẩm quyền: Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà thụ lý vụ án theo đơn khởi kiện của Công ty T là đúng thẩm quyền.

Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Thẩm phán đã thực hiện đảm bảo về trình tự thủ tục tố tụng theo quy định; tại phiên Tòa Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng trình tự; những người tham gia tố tụng chấp hành đúng các quy định của pháp luật tại Điểm b Khoản 1 Điều 35; Điểm g Khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 317 Luật thương mại.

Về quan hệ tranh chấp: Hợp đồng số 09/HĐ-GKKT ngày 20/10/2019, giữa Công ty TNHH MTV T với Xí nghiệp B.C - Chi nhánh Tổng Công ty B - Q về cung cấp vật tư và lắp đặt thiết bị cửa nhôm Xingfa Việt Nam là hợp đồng giữa bên nhận thầu và bên giao thầu thi công công trình nhà điều hành sản xuất công ty điện lực nên cần xác định là “*Tranh chấp hợp đồng xây dựng*” phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về tư cách tham gia tố tụng: Tổng Công ty 319 được xác định là bị đơn, có tư cách pháp nhân phải chịu trách nhiệm dân sự về quyền và nghĩa vụ do người đại diện thực hiện nhân danh pháp nhân; Xí nghiệp B.C - Chi nhánh Tổng Công ty B - Q hoạt động theo ủy quyền của Tổng Công ty B - Q. Do đó, các quyền và nghĩa vụ của Xí nghiệp B.C thực hiện nhân danh pháp nhân đều do bị đơn chịu trách nhiệm theo quy định tại Điều 84 Bộ luật dân sự. Nên, không cần thiết xác định Xí nghiệp B.C - Chi nhánh Tổng Công ty B - Q là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Về việc xét xử vắng mặt bị đơn: Tổng Công ty 319 đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai, không đến Tòa án tham gia tố tụng nên căn cứ Điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn.

Đối với việc giải quyết vụ án: Hợp đồng số 09/HĐ-GKKT ngày 23/10/2019, giữa Công ty T với Xí nghiệp B.C - Chi nhánh Tổng Công ty B - Q đã phát sinh giá trị thi công với tổng số tiền 1.625.691.000 đồng. Căn cứ vào xác nhận khối lượng thi công và đối chiếu công nợ của cả 02 công ty, có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị HĐXX xử: Buộc Tổng Công ty B - Q có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH T nợ gốc 198.691.000 đồng (*Một trăm chín mươi tám triệu, sáu trăm chín mươi một nghìn đồng chẵn*).

Về lãi suất, buộc nguyên đơn Tổng Công ty B - Q phải chịu tiền lãi chậm trả đối với số tiền 129.838.550 đồng tính từ ngày 24/6/2021 đến ngày 23/7/2022 (13 tháng) theo mức yêu cầu của nguyên đơn (9%/năm) là 12.659.259 đồng (129.838.550 đồng x 9%/năm x 13 tháng = 12.659.259 đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng:

-Về quan hệ tranh chấp và Thẩm quyền giải quyết: Hợp đồng số 09/HĐ-GKKT ngày 20/10/2019, giữa Công ty TNHH MTV T với Xí nghiệp B.C - Chi nhánh Tổng Công ty B - Q về cung cấp vật tư và lắp đặt thiết bị cửa nhôm Xingfa Việt Nam là hợp đồng mua bán hàng hóa cả hai bên đều nhằm mục đích lợi nhuận được Luật thương mại điều chỉnh. Đây là hợp đồng giữa bên nhận thầu và bên giao thầu thi công công trình nhà điều hành sản xuất công ty điện lực nên cần xác định là “*Tranh chấp hợp đồng xây dựng*” được quy định tại Khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện. Hợp đồng được thực hiện tại thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị nên nguyên đơn có quyền lựa chọn Tòa án giải quyết là Tòa án nơi hợp đồng được thực hiện quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 35; Điểm g Khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 317, Điều 319 Luật thương mại.

Về tư cách tham gia tố tụng: Tổng Công ty B - Q được xác định là bị đơn, có tư cách pháp nhân theo quy định phải chịu trách nhiệm dân sự về quyền và nghĩa vụ do người đại diện thực hiện nhân danh pháp nhân; Xí nghiệp B.C hoạt động theo ủy quyền của doanh nghiệp Tổng Công ty B - Q, là đơn vị hạch toán phụ thuộc. Tổng Công ty B - Q phải chịu trách nhiệm dân sự đối với các hoạt động của Xí nghiệp B.C thực hiện nhân danh pháp nhân theo quy định tại Điều 87 Bộ luật dân sự. Do đó, việc nguyên đơn yêu cầu xác định Xí nghiệp B.C là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ là không cần thiết. Hội đồng xét xử chấm dứt tư

cách tham gia tố tụng đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Xí nghiệp B.C - Chi nhánh Tổng Công ty B - Q.

Về thời hiệu khởi kiện: Mặc dù các đương sự không yêu cầu xem xét về thời hiệu khởi kiện. Tuy nhiên, do bị đơn không đến Tòa án nên cần thiết xem xét thời hiệu khởi kiện. Ngày 23/6/2021, Chủ đầu tư vào các bên ký biên bản nghiệm thu thanh lý hợp đồng trong đó có một phần hợp đồng thuộc hạng của Xí nghiệp B.C - Chi nhánh Tổng Công ty B - Q. Ngày 23/11/2021, Công ty T nộp đơn khởi kiện là trong thời hiệu khởi kiện.

Về việc xét xử vắng mặt bị đơn: Tổng Công ty B - Q đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, không đến Tòa án tham gia tố tụng nên căn cứ Điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

Xem xét các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn, bị đơn cung cấp, Hội đồng xét xử thấy rằng: Hợp đồng số 09/HĐ-GKKT ngày 20/10/2019 giữa Công ty T và Xí nghiệp B.C Tổng Công ty B - Q (do người đại diện theo ủy quyền của các Công ty) ký kết, đã phát sinh hiệu lực. Theo đó, Công ty T đã tiến hành cung cấp và thi công công trình Nhà điều hành sản xuất công ty điện lực. Khối lượng cửa nhôm kính Công ty T đã thi công hoàn thành và đã xác nhận đối chiếu giữa các bên ký kết hợp đồng vào ngày 30/9/2020; được chủ đầu tư nghiệm thu hoàn công, đưa vào sử dụng vào ngày 23/6/2021 có tổng giá trị là 1.625.691.000 đồng (đã bao gồm 10% VAT, chi phí vận chuyển và lắp đặt hoàn chỉnh tại công trường).

Ngày 30/9/2020, Xí nghiệp B.C - Chi nhánh Tổng Công ty B - Q xác nhận đã thanh toán cho Công ty T số tiền: 1.427.000.000 đồng, số tiền còn phải thanh toán là 198.691.000 đồng, trong đó: tiền bảo hành 68.852.450 đồng. Xem xét ý kiến của bị đơn về số tiền đã thanh toán là 1.492.000.000 đồng lớn hơn số tiền so với Biên bản đối chiếu khối lượng và thanh toán ngày 30/9/2020 nhưng bị đơn không xuất trình được tài liệu, chứng cứ để chứng minh Tổng Công ty B - Q đã thanh toán cho Công ty T thêm số tiền 65.000.000 đồng vào thời gian, theo chứng từ nào.

Tại Điều 3 của hợp đồng về phương thức thanh toán, thỏa thuận chia làm 05 đợt, trong đó đợt 1 và đợt 2, đợt 3 là tạm ứng và thanh toán một phần khối lượng công trình. Đợt 4, thì sau khi bàn giao công trình nghiệm thu đưa vào sử dụng thì Bên A sẽ thanh toán cho bên B đến 95% trên tổng giá trị hợp đồng.

Như vậy, ngày 30/9/2020 hai bên đã chốt tổng giá trị của công trình và ngày 23/6/2021, chủ đầu tư là Tổng công ty điện lực Miền Trung đã nghiệm thu hoàn công, đưa vào sử dụng với tổng giá trị là 1.625.691.000 đồng. Bị đơn đã thanh toán cho Công ty T 1.427.000.000 đồng, số tiền còn lại phải thanh toán là 198.691.000 đồng. Trong đó, giá trị bảo hành là 68.852.450 đồng. Theo đó, sau khi nghiệm thu hoàn công đưa vào sử dụng thì Tổng công ty 319 có nghĩa vụ còn phải thanh toán cho Công ty T đến 95% giá trị công trình là 129.838.550 đồng. Tuy nhiên, Tổng công ty 319 không thanh toán số tiền còn lại cho Công ty T. Đến nay đã hết thời

hạn bảo hành của công trình. Có đủ căn cứ, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc Tổng Công ty B - Q phải thanh toán cho Công ty T số tiền 198.691.000 đồng (*Một trăm chín mươi tám triệu sáu trăm chín mươi một nghìn đồng chẵn*).

Về lãi suất, nguyên đơn yêu cầu tiền lãi chậm trả tính từ ngày 23/6/2021 đến ngày 23/7/2022 (9%/năm) là 12.659.259 đồng và tiếp tục phải chịu lãi chậm thanh toán đến khi thanh toán hết công nợ với lãi suất 9%/năm.

Do Tổng Công ty B - Q chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán nên phải chịu lãi suất theo quy định tại Điều 306 Luật thương mại theo lãi suất nợ quá hạn trên thị trường (trung bình của 03 ngân hàng thương mại trên địa bàn tỉnh Quảng Trị) tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, cụ thể: số tiền Tổng Công ty B - Q có nghĩa vụ thanh toán là: 129.838.550 đồng, tính từ ngày 24/6/2021 đến ngày 23/7/2022 (13 tháng); yêu cầu của Nguyên đơn là có căn cứ nên chấp nhận.

Đối với việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận đình chỉ đối với phần yêu cầu này.

Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng Khoản 1 Điều 30; Điểm b khoản 1 Điều 35; Điểm g Khoản 1 Điều 40; Điều 147 điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 84 và 87 Bộ luật dân sự; Điều 24; Điều 50; Điều 306; Điều 317 và Điều 319 Luật thương mại; Điều 29 Nghị quyết 326 của UBTV Quốc hội, xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH T. Buộc Tổng Công ty B - Q phải thanh toán số tiền còn nợ theo hợp đồng kinh tế: Số 09/HĐ-GKKT ngày 23/10/2019, giữa Công ty TNHH T với Xí nghiệp B.C - Chi nhánh Tổng Công ty B - Q với tổng số tiền là **211.350.259** đồng. Trong đó: nợ gốc là 198.691.000 đồng; tiền lãi chậm thanh toán là: 12.659.259 đồng (129.838.550 đồng x 9%/năm x 13 tháng).

Áp dụng Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự: Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đã rút đối với số tiền 5.224.741 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không chịu thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi tương ứng với số tiền còn phải thi hành án, tại thời điểm thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân

sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. Về án phí:

+ Tổng Công ty B - Q phải chịu 10.567.500 đồng (Mười triệu năm trăm sáu mươi bảy ngàn năm trăm đồng) án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm.

+ Hoàn trả cho Công ty TNHH T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 5.414.000 đồng theo biên lai số CC/2021/0000079 ngày 23/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đông Hà.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND, Chi cục THADS TP. Đông Hà;
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Thị Xuân Hương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Minh Đức- Võ Thị Trúc Mai

Hồ Thị Xuân Hương

